

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5319/HQHP-TXNK

Hải Phòng, ngày 10 tháng 6 năm 2021

V/v thực hiện công văn số 2687/TCHQ-TXNK
ngày 01/6/2021

Kính gửi:

- Chi cục Hải quan Hưng Yên;
- Chi cục Hải quan Hải Dương;
- Chi cục Hải quan Thái Bình;
- Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư Gia công;
- Chi cục Hải quan KCX & KCN Hải Phòng;
- Phòng Giám sát quản lý về hải quan;

Thực hiện công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan về việc thực hiện Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (có hiệu lực từ ngày 25/4/2021) Cục Hải quan thành phố Hải Phòng yêu cầu các đơn vị:

1. Khai thác văn bản dẫn trên (mục công văn đến số 4208 ngày 02/6/2021 Cloud.Office) và công văn đính chính số 2736/TCHQ-TXNK ngày 03/6/2021 (mục công văn đến số 4291 ngày 03/6/2021 Cloud.Office) để nghiên cứu và thực hiện theo đúng hướng dẫn tại công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan.

2. Các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan thành phố Hải Phòng liên quan đến chính sách thuế: (chi tiết theo bảng kê kèm theo).

3. Một số điểm cần lưu ý trong quá trình thực hiện quy định về chính sách thuế theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP:

3.1 Hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu:

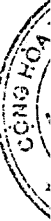
(Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP)

- Về phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công:

(Nêu tại mục 5 Phần I công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021)

Thực hiện theo hướng dẫn tại mục 5 Phần I công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan.

Lưu ý: Đối với phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình gia công đã chuyển tiêu thụ nội địa trước ngày 25/4/2021 (ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực) thì người nộp thuế vẫn phải kê khai nộp thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) cho cơ quan



theo hướng dẫn tại công văn số 5845/TCHQ-TXNK ngày 22/5/2019 và công văn số 4344/TCHQ-TXNK ngày 01/7/2019 của Tổng cục Hải quan.

3.2 Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu:

(Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP)

a. Về thuê gia công lại trong nội địa:

(Nêu tại mục 1 Phần II công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021)

Người nộp thuế giao hàng hóa đã nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP để thuê tổ chức, cá nhân khác có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cơ sở sản xuất, máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất, gia công lại khi thực hiện theo các quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, điểm b khoản 2 Điều 12 được nêu tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP cho đến khi thực hiện quyết toán tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế theo quy định của pháp luật về hải quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 được nêu tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

Lưu ý:

Quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, điểm b khoản 2 Điều 12 được nêu tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP thì người nộp thuế được miễn thuế trong các trường hợp:

* a.1) Giao một phần hoặc toàn bộ hàng hóa nhập khẩu để thuê sản xuất, gia công lại một hoặc một số công đoạn của sản phẩm sau đó nhận lại bán thành phẩm để tiếp tục sản xuất sản phẩm xuất khẩu;

* a.2) Giao một phần hoặc toàn bộ bán thành phẩm để thuê sản xuất, gia công lại một hoặc một số công đoạn của sản phẩm sau đó nhận lại bán thành phẩm để tiếp tục sản xuất sản phẩm xuất khẩu hoặc nhận lại thành phẩm để xuất khẩu);

* a.3) Giao một phần hàng hóa nhập khẩu để thuê sản xuất, gia công lại toàn bộ các công đoạn của sản phẩm sau đó nhận lại thành phẩm để xuất khẩu;

* b) Giao toàn bộ hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều 12 cho tổ chức thuộc sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của người nộp thuế sản xuất, gia công sản phẩm sau đó nhận lại sản phẩm để xuất khẩu (bao gồm cả trường hợp tổ chức nhận sản xuất thuê đơn vị khác sản xuất, gia công lại một hoặc một số công đoạn của sản phẩm xuất khẩu).

b. Về thuê gia công lại trong khu phi thuế quan hoặc nước ngoài:

Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a, b mục 2 Phần II công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan và điểm a.1, a.2, a.3, a.4 khoản 2 Điều 12 được nêu tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP; điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP (đối với sản phẩm thuê sản xuất, gia công tại nước ngoài khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam) và khoản 2 Điều 22 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP (đối với sản phẩm thuê sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài thì khi nhập khẩu vào Việt Nam).

c. Về sản phẩm xuất khẩu tại chỗ:

- Thực hiện việc theo dõi tờ khai xuất khẩu sản phẩm tại chỗ và thông tin về tờ khai hải quan của sản phẩm nhập khẩu tại chỗ tương ứng đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu và xử lý thuế theo đúng hướng dẫn tại điểm a mục 3 Phần I công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan (mẫu số 22 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP).

- Thủ tục đăng ký tờ khai hải quan mới (mã loại hình A42), kê khai nộp thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu tại chỗ; ấn định thuế và xử lý số tiền thuế nộp thừa; thuế xuất khẩu đối với sản phẩm xuất khẩu tại chỗ có thuế xuất khẩu thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b, c, d, đ mục 3 Phần I công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan.

Lưu ý:

- Chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện được sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 12 được nêu tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP;

- Chính sách thuế đối với sản phẩm xuất khẩu tại chỗ không được miễn thuế xuất khẩu: Người xuất khẩu tại chỗ đăng ký tờ khai hải quan xuất khẩu tại chỗ và kê khai nộp thuế xuất khẩu theo mức thuế suất và trị giá của sản phẩm xuất khẩu tại chỗ theo quy định tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan xuất khẩu tại chỗ quy định tại điểm g khoản 2 Điều 12 được nêu tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, trừ hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế của doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan.

d. Về sản phẩm nhập khẩu tại chỗ:

Theo Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan (có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2021) thì:

- Mã loại hình E31 - Nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu - Sử dụng trong trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu từ các nguồn "a) Từ nước ngoài; b) Từ khu phi thuế quan, DNCX; c) Nhập tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài" - Phần "Ghi chú": "Áp dụng

đối với các trường hợp đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP. Trường hợp không đáp ứng, thì khai báo theo loại hình A12” (Mã loại hình A12 - Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam nhập nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất trong nước);

Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ thì hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ bao gồm:

a) Hàng hóa đặt gia công tại Việt Nam và được tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt gia công bán cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;

b) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;

c) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.”

Theo quy định tại điểm d, h khoản 2 Điều 12 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ quy định cơ sở để xác định hàng hóa nhập khẩu là sản phẩm nhập khẩu tại chỗ được miễn thuế:

“Điều 12. Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu

2. Cơ sở để xác định hàng hóa được miễn thuế:

d) ... Hàng hóa nhập khẩu được sử dụng để sản xuất sản phẩm đã xuất khẩu tại chỗ cho tổ chức, cá nhân trong nội địa (không nằm trong khu phi thuế quan) và sản phẩm xuất khẩu tại chỗ, sản phẩm nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định tại điểm e, g, h khoản này”...

h) Sản phẩm nhập khẩu tại chỗ đăng ký tờ khai hải quan theo loại hình nhập gia công được miễn thuế nhập khẩu nếu người nhập khẩu tại chỗ đáp ứng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 10 Nghị định này. Sản phẩm nhập khẩu tại chỗ đăng ký tờ khai hải quan theo loại hình khác thì người nhập khẩu tại chỗ kê khai, nộp thuế theo mức thuế suất và trị giá tính thuế của sản phẩm nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai.”

Lưu ý:

Các Chi cục Hải quan căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ của người nộp thuế để sản xuất xuất khẩu; căn cứ Bảng mã loại hình và hướng dẫn sử dụng quy định tại Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, đối chiếu với quy định về điều kiện miễn thuế tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 12 được nêu tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP và hướng

dẫn tại điểm b mục 4 Phần I và điểm b mục 4 Phần II công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan để xác định:

- Hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ giữa 02 doanh nghiệp nội địa theo chỉ định giao, nhận hàng hóa của bên thứ ba thì sử dụng mã loại hình A11, A12 và thực hiện chính sách thuế theo đúng hướng dẫn tại điểm b mục 4 Phần I và điểm b mục 4 Phần II công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan;

- Trường hợp doanh nghiệp nội địa nhập khẩu tại chỗ hàng hóa từ doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan theo chỉ định giao, nhận hàng hóa của bên thứ ba thì sử dụng mã loại hình E31 như đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu từ nước ngoài nếu đáp ứng điều kiện miễn thuế quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ;

e. Về phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình sản xuất:

Thực hiện theo hướng dẫn tại mục 5 Phần II công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan.

Lưu ý:

Đối với phế liệu, phế phẩm tạo thành trong quá trình sản xuất đã chuyển tiêu thụ nội địa trước ngày 25/4/2021 (ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực) thì người nộp thuế vẫn phải kê khai nộp thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) cho cơ quan theo quy định tại Điều 71 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 49 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

3.3 Về theo dõi thông tin tờ khai nhập khẩu tại chỗ hàng gia công, sản xuất xuất khẩu:

(Nêu tại mục Phần IV công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021)

Các Chi cục Hải quan nơi quản lý các doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu tổ chức tuyên truyền bằng văn bản để hướng dẫn người khai hải quan tờ khai xuất khẩu tại chỗ sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất xuất khẩu được thông quan phải theo dõi để thông báo cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu về thông tin tờ khai nhập khẩu tại chỗ đối ứng đã hoàn thành thủ tục hải quan theo mẫu số 22 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông quan tờ khai xuất khẩu tại chỗ.

- Việc lập sổ theo dõi các tờ khai xuất khẩu sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu tại chỗ theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại điểm b Phần IV công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021;

4. Về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan và áp dụng chính sách thuế đối với doanh nghiệp chế xuất là khu phi thuế quan:

(Điều 28a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP)

Doanh nghiệp chế xuất là khu phi thuế quan phải đáp ứng đủ các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 28a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

Về xác nhận khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX và áp dụng chính sách thuế đối với doanh nghiệp chế xuất là khu phi thuế quan:

- Về thẩm quyền tiếp nhận văn bản lấy ý kiến của cơ quan cấp phép đầu tư, thực hiện kiểm tra, xác nhận khả năng đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX do Chi cục Hải quan quản lý doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a, b, c, d mục 1 Phần V công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan.

- Hướng dẫn thực hiện tại điểm c (các DNCX đang trong quá trình hoạt động), điểm d (các DNCX đang trong quá trình xây dựng) mục 1 Phần V công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan:

“Đối với các trường hợp nêu tại điểm c, điểm d mục này, các Cục Hải quan địa phương chỉ đạo các Chi cục Hải quan nơi quản lý các doanh nghiệp chế xuất thông báo cho từng doanh nghiệp phải hoàn thiện các điều kiện kiểm tra giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 28a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP nhiều lần nhưng không quá thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định số 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành”.

Các Chi cục Hải quan quản lý doanh nghiệp chế xuất thực hiện việc thông báo cho từng doanh nghiệp chế xuất phải hoàn thiện các điều kiện kiểm tra giám sát hải quan theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28a được nêu tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP theo đúng hướng dẫn tại điểm c, d mục 1 Phần V công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021 của Tổng cục Hải quan (Lưu ý: Thời hạn phải hoàn thiện hết ngày 25/4/2022).

5. Về xử lý số tiền thuế đã nộp quy định tại khoản 7 Điều 28a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

Đối với trường hợp DNCX đang hoạt động (khoản 5 Điều 28a), đang xây dựng (khoản 6 Điều 28a) quy định tại khoản 7 Điều 28a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, sau khi doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp được xử lý số tiền thuế đã nộp theo quy định về xử lý tiền thuế nộp thừa của pháp luật về

quản lý thuế quy định tại khoản 7 Điều 28a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

6. Trường hợp có phát sinh vướng mắc kịp thời báo cáo cụ thể và đề xuất phương án giải quyết về Cục qua phòng tham mưu (Phòng Thuế xuất nhập khẩu và Phòng Giám sát quản lý về hải quan) để được hướng dẫn theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

Cục Hải quan thành phố Hải Phòng thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

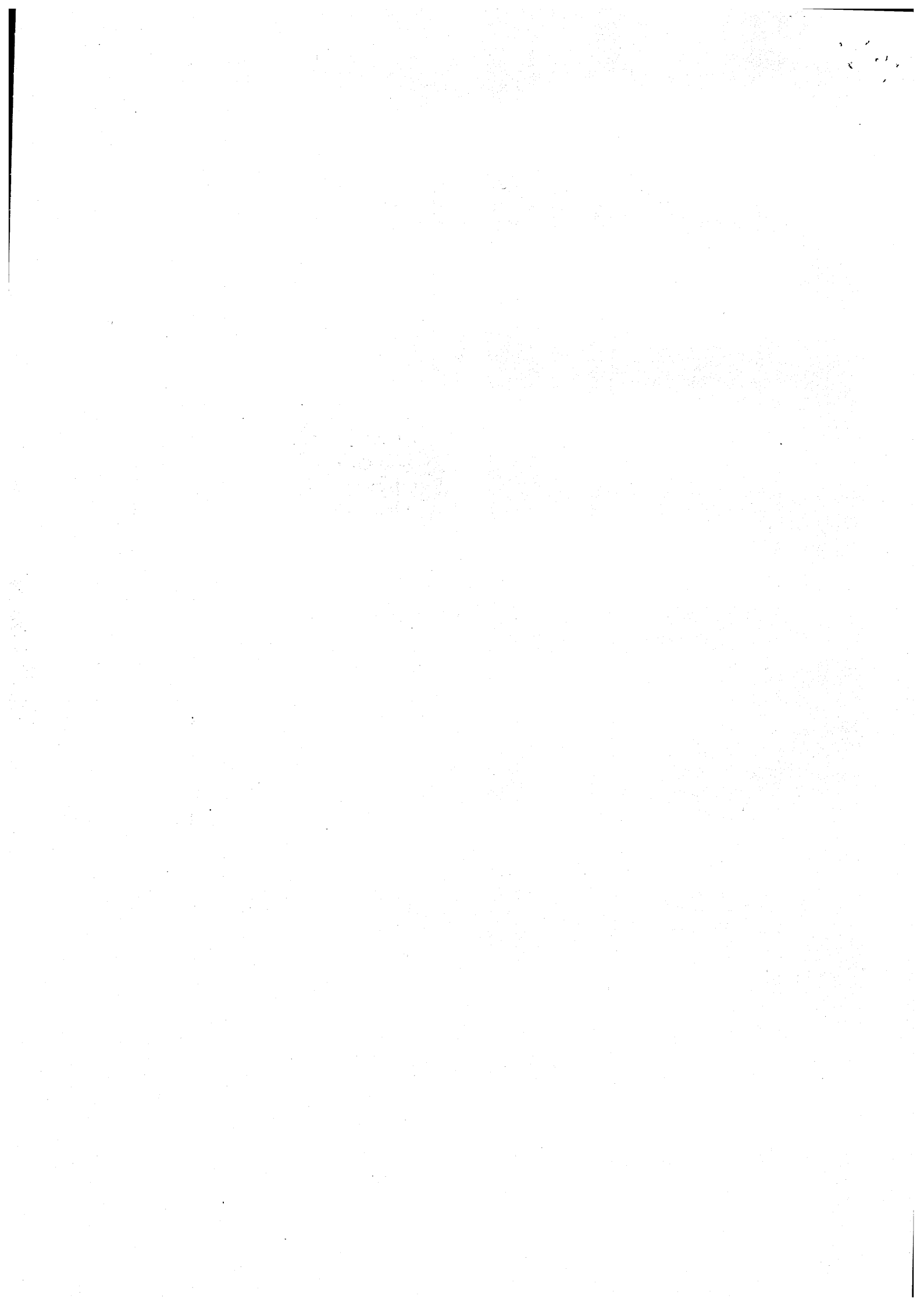
Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Đ/c Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Đ/c Phó Cục trưởng (để chỉ đạo);
- Chi cục KTSTQ;
- Phòng Thanh tra - Kiểm tra; (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, TXNK (5b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Sỹ Tráng



Các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan thành phố Hải Phòng liên quan đến chính sách thuế

- Công văn số 2736/TCHQ-TXNK ngày 03/6/2021 của Tổng cục Hải quan đính chính điểm b mục IV công văn số 2687/TCHQ-TXNK ngày 01/6/2021;
- Công văn số 546/TCHQ-TXNK ngày 02/12/2021 của Tổng cục Hải quan về xử lý vướng mắc Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (công văn thông báo trên Cloud.Office số 1411/HQHP-TXNK ngày 04/02/2021);
- Công văn số 969/TCHQ-TXNK ngày 01/3/2021 của Tổng cục Hải quan về thực hiện Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính (công văn thông báo trên Cloud.Office số 2283/HQHP-TXNK ngày 28/3/2021);
- Công văn số 1970/HQHP-TXNK ngày 25/02/2021 của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng về triển khai thực hiện Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 của Bộ Tài chính;
- Công văn số 4970/HQHP-GSQL ngày 20/5/2021 của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng hướng dẫn thực hiện việc tiếp nhận Mẫu số 22 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP;
- Công văn số 5439/HQHP-TXNK ngày 01/6/2021 của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng về chính sách thuế sản phẩm nhập khẩu tại chỗ từ DNCX theo quy định tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ;



